

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021

Khoa NN và VH Nhật Bản

NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT - CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2017 HỌC KỲ 7	JAP3054*	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	JAP4001*	Thực tập	3	3	
	JAP3055*	Biên dịch nâng cao	3	3		JAP4051**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7	
	JAP3056	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3						
	JAP2048***	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 3	3	3						
		<b>Môn tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>						
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3						
	JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3						
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3						
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3						
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3						
	(Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (V.1.2.1) ở HK 6 sẽ không tích lũy ở HK7)									
		<b>Môn tự chọn (V.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>						
	JAP3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3						
	JAP3067	Lý thuyết dịch nâng cao	3	3						
	JAP3002	Biên dịch chuyên ngành	3	3						
	JAP3003	Công nghệ trong dịch thuật	3	3						
	JAP3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3						
	JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3						
	JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3						
	JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3						
JAP3015	Kỹ năng viết văn bản	3	3							

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2020  
HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021

Khoa NN và VH Nhật

NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT - ĐỊNH HƯỚNG NHẬT BẢN HỌC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2017 HỌC KỲ 7	JAP3050	Xã hội Nhật Bản đương đại	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	3	
		<b>Môn tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp/02 HP tương đương (2 HP tự chọn trong khối IV, V)	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>	
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3						
	JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3						
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3						
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3						
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3						
		<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6, sẽ không tích lũy ở HK7)</i>								
		<b>Môn tự chọn (V.2.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>						
	JAP3022	Nghệ thuật Nhật Bản	3	3						
	JAP3018	Lịch sử tiếng Nhật	3	3						
	JAP3009	Hệ thống giáo dục Nhật Bản	3	3						
	JAP3025	<b>Nhập môn luật Nhật Bản</b>	3	3						
		<i>(Sinh viên có thể tích lũy thêm các HP thuộc khối (V.2.2.1) ngoài 6 TC trên làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>								
		<b>Môn tự chọn (V.2.2.2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(3)</b>						
	JAP3049	Văn học Nhật Bản đương đại	3	3						
	JAP3047	Văn hóa kinh doanh Nhật Bản	3	3						
	JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3						
	JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3						
		<i>(Sinh viên đã tích lũy HP thuộc khối (V.2.2.2) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7. Hoặc có thể tích lũy làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>								
	<b>HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>6</b>	<b>6</b>							
	02 HP trong số các HP khối IV, V	6	6							
JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3							
JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3							
	<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP thuộc khối IV, V làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>									

\*\*\*\* Ghi chú:

các HP bôi đậm: các HP sẽ tổ chức dạy và lên TKB

các HP bôi đậm chữ xanh: các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp (sẽ tổ chức dạy và lên TKB)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thủy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021

Khoa NN và VH Nhật Bản  
NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT - ĐỊNH HƯỚNG KINH TẾ

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2018 HỌC KỲ 5	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3	
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	3	
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP3041	Tiếng Nhật kinh tế	3	3	
	JAP3029	Phiên dịch	3	3			<b>Môn tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	
	JAP3001	Biên dịch	3	3		JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3	
	INE1050	Kinh tế vi mô	3	3		JAP2011	<b>Đất nước học Nhật Bản 2</b>	3	3	
		<b>Môn tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>(2)</b>	<b>(2)</b>		JAP2010	<b>Văn học Nhật Bản 1</b>	3	3	
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		JAP2015	Nhập môn văn hóa các nước Châu Á	3	3	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2			<b>Môn tự chọn (V.3.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		JAP3027	<b>Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành</b>	3	3	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN (Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK 3 sẽ không tích lũy ở HK5)	2	2		JAP3035	Tiếng Nhật tài chính - ngân hàng	3	3	
						JAP3043	<b>Tiếng Nhật quản trị - kinh doanh</b> (Sinh viên có thể tích lũy HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối IV.1.2 và V.3.2.1 ở HK6 hoặc/và 7)	3	3	
QH.2017 HỌC KỲ 7	FIB2001	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	3	
		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp/02 HP tương đương ( 2 HP tự chọn trong khối IV, V)	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>	
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3						
	JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3						
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3						
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3						
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2 (Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)	3	3						
		<b>Học phần tự chọn (V.3.2.1)</b>	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>						
	JAP3042	<b>Tiếng Nhật kinh tế nâng cao</b>	3	3						
	JAP3004	Đẫn luận kinh tế Châu Á	3	3						
	JAP3005	<b>Đẫn luận kinh tế Đông Nam Á</b>	3	3						
	BLS2050	Luật kinh tế quốc tế (Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (V.3.2.1) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7). Hoặc có thể tích lũy làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)	3	3						
		<b>Học phần tự chọn (V.3.2.2)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>						
	BSA2004	<b>Nhập môn Quản trị học</b>	3	3						
	INE2020	<b>Kinh tế quốc tế</b>	3	3						
	BSA2002	Nhập môn Marketing	3	3						
	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	3						
	INE2003	Kinh tế phát triển	3	3						
	<b>SV học 1 trong 2 học phần bồi dưỡng ở trên</b> (Sinh viên có thể tích lũy thêm HP thuộc khối (V.3.2.2) ngoài 3 tín chỉ trên làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)									
	<b>Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>6</b>	<b>6</b>							
	02 HP trong số các HP khối IV, V	6	6							
	(Sinh viên có thể tích lũy HP thuộc khối IV, V làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)									

\*\*\*\* Ghi chú:

các HP bồi dưỡng: các HP sẽ tổ chức dạy và lên TKB

các HP bồi dưỡng chữ xanh : các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp (sẽ tổ chức dạy và lên TKB)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020  
HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thủy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021

Choa NN và VH Nhật Bản

NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT - ĐỊNH HƯỚNG PHIÊN DỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần				
QH.2018 HỌC KỲ 5	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3				
	JAP3029	Phiên dịch	3	3		JAP3020	Lý thuyết dịch	3	3				
	JAP3001	Biên dịch	3	3		JAP3054	Phiên dịch nâng cao	3	3				
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP3055	Biên dịch nâng cao	3	3				
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		<b>HP tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>					
	<b>HP tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	FLF1003		Tư duy phê phán	2	2					
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		<b>HP tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>					
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3				
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3				
	(Sinh viên đã tích lũy HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3, sẽ không tích lũy ở HK5)					QH.2018 HỌC KỲ 6				JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3
								JAP2015	Nhập môn văn hóa các nước Châu Á	3	3		
								(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK 6 hoặc/và HK7)					
								<b>HP tự chọn (V.1.2.2)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>			
								JAP3027	Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành	3	3		
								JAP3035	Tiếng Nhật Tài chính - Ngân hàng	3	3		
						JAP3043	Tiếng Nhật Quản trị - Kinh doanh	3	3				
						JAP3045	Tiếng Nhật y học	3	3				
						JAP3034	Tiếng Nhật luật pháp	3	3				
						JAP3039	Tiếng Nhật Hành chính - Văn phòng	3	3				
						JAP3044	Tiếng Nhật Văn hóa - Nghệ thuật	3	3				
						JAP3040	Tiếng Nhật Kiến trúc - xây dựng	3	3				
						JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3				
QH.2017 HỌC KỲ 7	JAP3056	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	JAP4001	Thực tập	3	3				
	<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	<b>(6)</b>	<b>(6)</b>	JAP4051		Khóa luận Tốt nghiệp/02 HP tương đương (2 HP tự chọn trong khối IV, V)	(6)	(6)					
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3									
	JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3									
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3									
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3									
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3									
	(Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK 6 sẽ không tích lũy ở HK7)												
		<b>Học phần tự chọn (V.1.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>									
	JAP3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3									
	JAP3002	Biên dịch chuyên ngành	3	3									
	JAP3003	Công nghệ trong dịch thuật	3	3									
	JAP3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3									
	JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3									
	JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lí thông tin	3	3									
JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3										
JAP3015	Kỹ năng viết văn bản	3	3										
(Sinh viên có thể tích lũy thêm HP thuộc khối (V.1.2.1) ngoài 6 tín chỉ trên làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)													
	<b>HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>6</b>	<b>6</b>										
	02 HP trong số các HP khối IV, V	6	6										
(Sinh viên có thể tích lũy HP thuộc khối IV, V làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)													

\*\*\* Ghi chú:

các HP bôi đậm: các HP sẽ tổ chức dạy và lên TKB

các HP bôi đậm chữ xanh : các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp (sẽ tổ chức dạy và lên TKB)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020  
HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020 - 2021

Khoa NN và VH Nhật Bản

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG NHẬT

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2020 HỌC KỶ 1	JAP4021	Tiếng Nhật 1A	4	8	QH.2020 HỌC KỶ 2	JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	8	
	JAP4022	Tiếng Nhật 1B	4	8		JAP4024	Tiếng Nhật 2B	4	8	
	HIS 1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3		FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc Đại học	3	4	
	VLF1052	Nhập môn Tiếng Nhật học	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3	
		Ngoại ngữ B1	0	4			Ngoại ngữ B1	5	4	
					<b>Tự chọn khối II</b>					
					FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		
QH.2019 HỌC KỶ 3	JAP4025	Tiếng Nhật 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỶ 4	JAP4028	Tiếng Nhật 4A	4	8	
	JAP4026	Tiếng Nhật 3B	4	8		JAP4029	Tiếng Nhật 4B	4	8	
	JAP4031	Tiếng Nhật 3C	3	4		JAP4032	Tiếng Nhật 4C	4	4	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			(SV có thể tích lũy HP Tiếng Nhật 4C tại HK4 hoặc HK5)			
		<b>Tự chọn khối III.2</b>	4	4		PSF3007	Tâm lý học	3	3	
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2			<b>Tự chọn khối II</b>	6	6	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3	
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3	
		(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII hoặc HKV)								3
QH.2018 HỌC KỶ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2018 HỌC KỶ 6	JAP3019	Lý luận giảng dạy tiếng Nhật	3	3	
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước & QLGD	2	2	
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP3031	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1	3	3	
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3	
		<b>HP tự chọn (Khối III.2)</b>	2	2			<b>HP tự chọn (Khối III.2)</b>	2	2	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		FLF1003	Tư duy phê phán	2	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			<b>HP tự chọn ( IV.1.2)</b>	6	6	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		JAP2005	Hàn tự học tiếng Nhật	3	3	
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)				JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3	
		<b>HP tự chọn (V.2.2)</b>	6	6		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3	
JAP3001	Biên dịch	3	3	JAP2015	Nhập môn văn hóa các nước Châu Á	3	3			
JAP3029	Phiên dịch	3	3		(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc/và HK7)					
PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3							
	(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.2.2 ở HK3 hoặc/và HK7)									
QH.2017 HỌC KỶ 7	JAP3032	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 2	3	3	QH.2017 HỌC KỶ 8	JAP4001	Thực tập	3	3	
		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>	(6)	(6)		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp/02 HP tương đương	6	6	
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3						
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3						
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3						
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3						
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HỌC PHẦN tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK 6 sẽ không tích lũy ở HK7).								
		<b>Học phần tự chọn (V.2.1)</b>	6	6						
	JAP3015	Kỹ năng viết văn bản	3	3						
	JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3						
	JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3						
	JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3						
		<b>Học phần tự chọn (V.2.2)</b>	(6)	(6)						
	JAP3010	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3						
	JAP3033	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3						
	JAP3051	Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo	3	3						
	JAP3046	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ	3	3						
	(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối (V.2.2) ở HK5 sẽ không tích lũy ở HK7. Hoặc có thể tích lũy 2 HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)									
	<b>HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>	6	6							
	02 HP trong số các HP khối IV, V	6	6							
	(Sinh viên có thể tích lũy HP thuộc khối IV, V làm HP thay thế khóa luận tốt nghiệp)									

\*\*\* Ghi chú:

các HP bôi đậm: các HP sẽ tổ chức dạy và lên TKB  
các HP bôi đậm màu tím: các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp (sẽ tổ chức dạy và lên TKB)

KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2020  
HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huệ

Nguyễn Thủy Lan

Đỗ Tuấn Minh